

Số: 29 /2022/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 05 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 05 quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2210/TTr-STC ngày 24 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước;

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quy định mức thu và thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

1. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp bằng 70% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải chuyển sang đất phi nông nghiệp nhân (x) với giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan tài chính địa phương (Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch) ký ban hành thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm nộp đủ số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nêu trên vào ngân sách cấp tỉnh tại Kho bạc nhà nước theo Tài khoản: 7111; Tiểu mục: 4914. Quá thời hạn nêu trên, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Việc điều tiết tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thực hiện theo phân cấp tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 4 ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quản lý và sử dụng số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

Nguồn kinh phí thu được theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này được sử dụng để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Việc sử dụng nguồn kinh phí này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Sở Tài chính

a) Căn cứ hồ sơ do các cơ quan, tổ chức gửi và văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến để xác định, thông báo và thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ và sử dụng nguồn thu theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

c) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh để theo dõi, quản lý số tiền thu được theo quy định. Trường hợp chưa nộp đủ, thực hiện đôn đốc và có báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp giải quyết kịp thời.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó xác định rõ nhu cầu sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước, diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển mục đích sử dụng. Đồng thời thực hiện tổ chức đo đạc, lập bản đồ các vùng chuyên trồng lúa nước có năng suất chất lượng cao, xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa.

b) Có văn bản xác định cụ thể diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định (trong đó nêu rõ địa chỉ, địa điểm thu hồi đất) gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ và sử dụng nguồn thu theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

4. Kho bạc Nhà nước các cấp

a) Hướng dẫn người được nhà nước giao đất, cho thuê đất nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thông báo của cơ quan Tài chính.

b) Trao đổi thông tin nghĩa vụ nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cá nhân, tổ chức với cơ quan tài chính địa phương để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt; phân bổ chỉ tiêu sử dụng

đất chuyên trồng lúa nước cho các xã, phường, thị trấn để làm cơ sở xác định ranh giới lập bản đồ xác định diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt..

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cắm biển báo khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ sau khi quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã được duyệt.

d) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp theo quy định.

e) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ kê khai của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất và văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển đến để xác định và thông báo khoản tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định.

6. Người sử dụng đất

Thực hiện kê khai và nộp đầy đủ, đúng thời hạn số tiền bảo vệ phát triển đất lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh vào Kho bạc Nhà nước theo quy định này và các quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Báo Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm

